TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Phú Sang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị PH**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Quyên –** Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Vịnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đàm Thị Mỹ H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 2, ấp ĐT, xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc Tn**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 2, ấp ĐT, xã TĐ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị H, anh Tn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - Chị Đàm Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tn tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện X, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến nay do chị cho rằng anh Tn không chung thủy, có người phụ nữ khác, anh Tn thường xuyên vắng nhà, không quan tâm, chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng hay gây gỗ, bất đồng ý kiến với nhau. Do chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tn.

Về con chung: Chị và anh Tn có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh Tn cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng Tnh từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án Bị đơn – Anh Nguyễn Quốc Tn trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian anh và chị H chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2005. Anh không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ vợ chồng với chị H do anh cho rằng cuộc sống vợ chồng anh từ trước đến nay vẫn bình thường, có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh cho rằng không trầm trọng, vợ chồng đôi khi có gây gỗ, cãi nhau nhưng ít, nguyên nhân là do chị H không tin tưởng anh.

Về con chung: Anh và chị H thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị Đàm Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên quan điểm.

Anh Nguyễn Quốc Tn đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ngọc mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012 và hông yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đàm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quốc Tn.

+ Về con chung:

Ghi nhận sự thống nhất của chị H và anh Tn về việc giao cho chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006. Anh Tn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ngọc mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Giao chị Đàm Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012. Buộc anh Nguyễn Quốc Tn cấp dưỡng nuôi cháu Ngân, mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H và anh Tn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đàm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quốc Tn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Đàm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quốc Tn tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H thấy rằng: Qua thu thập chứng cứ, xác minh chính quyền địa pH và các hộ dân nơi chị H, anh Tn sinh sống thể hiện chị H và anh Tn đều có công việc và và thu nhập ổn định. Trong thời gian chung sống ở địa pH, chị H và anh Tn có xảy ra gây gỗ, cải nhau do anh Tn thường xuyên vắng nhà, mọi việc trong gia đình đều do chị H lo toan, chăm sóc. Vào tháng 5/2016 chị H có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tn nhưng sau đó vào ngày 15/8/2016 chị đã rút đơn khởi kiện nhằm mục đích cho chị và anh Tn có thêm cơ hội hàn gán tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên kể từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay anh chị vẫn không khắc phục được các mâu thuẫn, tại phiên tòa anh Tn cũng thừa nhận trong khoảng thời gian từ đầu năm 2016 cho đến nay mặc dù cùng chung sống nhưng giữa anh và chị H không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống cá nhân riêng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn của anh, chị đã đi đến múc độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh Tn là có căn cứ chấp nhận, anh Tn yêu cầu đoàn tụ là không có cơ sở xem xét.

[2] Về con chung: Do tại phiên tòa chị H và anh Tn thống nhất giao chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006, anh Tn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ngọc mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc thành niên. Sự thỏa thuận này là do anh, chị tự nguyện, không trái quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu của chị H và anh Tn đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012 thì thấy rằng: Cháu Nguyễn Thanh Ngân mới 5 tuổi và bị bệnh trào ngược thực quản bẩm sinh nên cần phải có sự trông nom, chăm sóc, theo dõi trực tiếp thường xuyên của chị H và anh Tn. Tuy nhiên, hiện tại anh Tn thường xuyên vắng nhà do đặc thù công việc phải trực cơ quan, còn chị H là thợ may và buôn bán văn phòng phẩm tại nhà, công việc và thu nhập ổn định. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ngân và theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thanh Ngân cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh Tn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh Ngân mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng Tnh từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngân thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân thì thấy rằng tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H. Anh Tn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh Ngân mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng Tnh từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngân thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Tn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị Đàm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quốc Tn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quốc Tn. Chị Đàm Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Tn.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Quốc Tn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Thanh Ngân, sinh ngày 11/5/2012, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng Tnh từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngân và Ngọc thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn anh Tn có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Tn không được lạm dụng việc thăm non con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Tn không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Tn còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Đàm Thị Mỹ H và anh Nguyễn Quốc Tn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024032 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Anh Nguyễn Quốc Tn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị H, anh Tn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- UBND xã HT, huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Phú Sang